

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH-
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2023

Về việc: “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thái

2. Ông Danh Đẹp

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông Lê Quốc Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Danh Thị L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 1, ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K.

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Thành T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị Danh Thị L có mặt, anh Huỳnh Thành T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày **16/02/2023** của chị Danh Thị L, bản tự khai của chị Danh Thị L, nội dung phiên không hòa giải được ngày 13 tháng 4 năm 2023, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

* Chị Danh Thị L trình bày:

Vào năm 2012, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng anh Huỳnh Thành T chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện C, tỉnh K vào năm 2013 và đã được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2013.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có một người con chung là cháu Huỳnh Quốc H, sinh ngày 11/3/2013 đang do anh Huỳnh Thành T **trực** tiếp nuôi dưỡng, không có tài sản chung và không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống

vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về nhiều mặt nên chúng tôi đã ly thân từ tháng 01/2023 cho đến nay.

Nay giữa chúng tôi không còn tình cảm gì nữa, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Được ly hôn với anh Huỳnh Thành T.
- Về con chung: Tôi đồng ý cho anh Huỳnh Thành T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Quốc H, sinh ngày 11/3/2013 cho đến khi cháu Huỳnh Quốc H tròn 18 tuổi; tôi không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Tôi cam đoan là trong thời gian chung sống thì tôi và anh Huỳnh Thành T không có nợ chung, nếu có thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nợ chung.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Huỳnh Thành T theo quy định của pháp luật nhưng anh Huỳnh Thành T không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Huỳnh Thành T.

* Tại phiên tòa, chị Danh Thị L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận **toàn bộ yêu cầu khởi kiện** của chị Danh Thị L; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Danh Thị L và anh Huỳnh Thành T do chị Danh Thị L không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Vào năm 2012, chị Danh Thị L và anh Huỳnh Thành T thiết lập quan hệ vợ chồng. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 16/02/2023, chị Danh Thị L khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thành T và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Danh Thị L và anh Huỳnh Thành T; anh Huỳnh Thành T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Huỳnh Thành T không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh

Kiên Giang theo các quy định tại các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. **Về việc thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:** Do trước ngày 13/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang không gửi Quyết định phân công Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/4/2023 với phần tên Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa là ông Nguyễn Thế Nam. Ngày 24/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang nhận được Quyết định thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa số 03/QĐ-VKS-DS ngày 13/4/2023 (BL 31) của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, nên Kiểm sát viên Lê Quốc Thắng tham gia phiên tòa hôm nay.

1.3. Về việc vắng mặt anh Huỳnh Thành T tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/4/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **22/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27/4/2023** cho anh Huỳnh Thành T theo quy định của pháp luật, anh Huỳnh Thành T vẫn vắng mặt phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Danh Thị L, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Huỳnh Thành T theo quy định tại **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228** của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị L:

2.1. Về hôn nhân: Chị Danh Thị L và anh Huỳnh Thành T tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh K vào năm 2013 và đã được UBND xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 75/2013 nên theo quy định tại **các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014**, quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị L và anh Huỳnh Thành T là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Danh Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thành T.

Xét rằng: Tuy anh Huỳnh Thành T không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh Huỳnh Thành T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K; chị Danh Thị L và anh Huỳnh Thành T có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh K vào năm 2013, có một người con chung là cháu Huỳnh Quốc H, sinh ngày 11/3/2013 đang do anh Huỳnh Thành T trực tiếp nuôi dưỡng; do mâu thuẫn kéo dài nên anh, chị đã ly thân với nhau từ tháng 01/2023 cho đến nay, chị Danh Thị L về sinh sống tại ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K, anh Huỳnh Thành T và cháu Huỳnh Quốc H sinh sống tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Huỳnh Thành T không hợp tác mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải giữa anh Huỳnh Thành T và chị Danh Thị L rất nhiều lần- chứng tỏ anh Huỳnh Thành T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Danh Thị L. Tại phiên tòa, chị Danh Thị L vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Thành T.

Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Danh Thị L và anh Huỳnh Thành T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Danh Thị L đối với anh Huỳnh Thành T.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Chị Danh Thị L tự nguyện đồng ý cho anh Huỳnh Thành T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Quốc H, sinh ngày 11/3/2013 cho đến khi cháu Huỳnh Quốc H tròn 18 tuổi.

Xét rằng: Từ khi chị Danh Thị L và anh Huỳnh Thành T ly thân đến nay thì cháu Huỳnh Quốc H được anh Huỳnh Thành T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; căn cứ vào nguyện vọng của cháu Huỳnh Quốc H vào ngày 27/3/2023 (BL 16), quyền lợi về mọi mặt của cháu Huỳnh Quốc H và để ổn định tình cảm, tâm lý cho cháu Huỳnh Quốc H, Tòa án chấp nhận cho anh Huỳnh Thành T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Quốc H, sinh ngày 11/3/2013 cho đến khi cháu Huỳnh Quốc H tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Huỳnh Thành T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Danh Thị L.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Danh Thị L phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Danh Thị L phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Danh Thị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005377, ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Danh Thị L không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Huỳnh Thành T không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, **điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228**, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; **các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27** của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

- 1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Danh Thị L và anh Huỳnh Thành T.
- 2- Về con chung: Cho anh anh Huỳnh Thành T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Quốc H, sinh ngày 11/3/2013 cho đến khi cháu Huỳnh Quốc H tròn 18 tuổi; chị Danh Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.
- 3- Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh Huỳnh Thành T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.
- 4- Về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.
- 5- Về án phí:

Chị Danh Thị L phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Danh Thị L phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Danh Thị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005377, ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Danh Thị L không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Huỳnh Thành T không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- 6- Về quyền kháng cáo: Chị Danh Thị L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (**11/5/2023**); anh Huỳnh Thành T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hpll);
- UBND xã Bình An, h Châu Thành, KG (khi án có hpll);
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

Hoàng Thị Thu Hương